



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 242 + 243

Ngày 15 tháng 11 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 19-10-2020- | Quyết định số 3910/QĐ-UBND ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Văn phòng - Tự điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp. | 3 |
| 21-10-2020- | Quyết định số 3935/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. | 10 |
| 22-10-2020- | Quyết định số 3941/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. | 28 |

- 27-10-2020- Quyết định số 3985/QĐ-UBND phê duyệt quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 69
- 04-11-2020- Quyết định số 4077/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực chính sách, bảo hiểm xã hội, dân quân tự vệ, nghĩa vụ quân sự và động viên quân đội thuộc thẩm quyền của Bộ Tư lệnh Thành phố đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã trên địa bàn Thành phố. 85

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3910/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức, hoạt động
và tiêu chí của Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 5039/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 5088/Tr-SVHTT-XDNSVHGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 về ban hành Quy chế quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp, Công văn số 17/STC-NS ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Sở Tài chính, Công văn số 155/SVHTT-XDNSVHGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Sở Văn hóa và Thể thao về điều chỉnh quy chế quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp, Tờ trình số 3952/TTr-SNV ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế (mẫu) về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ (MẪU)

Về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của

Văn phòng - Tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3910/QĐ-UBND

ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy chế về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Văn phòng - Tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp áp dụng tại các xã xây dựng nông thôn mới ở 05 huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tên gọi, vị trí, chức năng

1. Tên gọi: Văn phòng - Tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao + tên ấp.

2. Vị trí: Văn phòng - Tụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp là hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, là một đơn vị tự quản của cộng đồng dân cư, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập, lãnh đạo toàn diện; Trưởng ấp trực tiếp quản lý; chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ văn hóa, thể thao của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao liên xã, Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện.

3. Chức năng:

a) Là nơi trực tiếp thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nông thôn mới, quy định của địa phương và phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai.

b) Nơi phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn ấp.

c) Nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của nhân dân ở ấp.

3. Tổ chức các hoạt động văn nghệ; thể dục, thể thao quần chúng; giao lưu, hội thi, hội diễn văn nghệ, thi đấu các môn thể thao.

4. Tổ chức, duy trì hoạt động các loại hình Câu lạc bộ, đội, nhóm sở thích.

5. Tổ chức các chương trình, lớp học nâng cao dân trí, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em, hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân trên địa bàn ấp.

6. Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, nếp sống văn hóa, phong trào “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

7. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả công trình cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa, thể thao.

8. Tổ chức các cuộc hội họp của ấp.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo địa phương giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và chính sách

1. Ban chủ nhiệm, các thành viên Văn phòng - Tự điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm, tự quản, tự trang trải từ nguồn kinh phí xã hội hóa và hỗ trợ của ngân sách xã.

Trưởng ấp làm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm là Trưởng ban Công tác Mặt trận ấp; Trưởng ấp tổ chức bầu chọn Ban Chủ nhiệm Văn phòng - Tự điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp, có từ 01 đến 03 người thuộc khối đoàn thể kiêm nhiệm.

2. Có đội ngũ cộng tác viên và người hoạt động nghiệp vụ không chuyên trách.

3. Về chế độ, chính sách: đã được hưởng phụ cấp hàng tháng theo chế độ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm bố trí đất xây dựng Văn phòng - Tủ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp theo quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Văn phòng - Tủ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp cần được xây dựng ở vị trí trung tâm tạo thuận lợi cho nhân dân tham gia sinh hoạt.

3. Kiến trúc Văn phòng - Tủ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp phải phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội và sắc thái văn hóa của địa phương.

4. Có quy hoạch và từng bước triển khai xây dựng các công trình thiết yếu cho hoạt động văn hóa, thể thao.

5. Trang thiết bị tối thiểu cho các hoạt động của Văn phòng - Tủ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp gồm: hệ thống âm thanh, ánh sáng, phòng màn, bàn ghế, sách báo, các dụng cụ thể thao và các loại nhạc cụ phù hợp.

6. Kinh phí:

a) Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất văn hóa: Do ngân sách Thành phố hỗ trợ trong Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới theo từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Kinh phí chi hoạt động: Căn cứ theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nâng mức hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Được huy động kinh phí do nhân dân tự nguyện đóng góp và từ các nguồn lực xã hội hóa để tăng cường hỗ trợ đầu tư xây cơ sở vật chất và các hoạt động văn hóa, thể thao của ấp.

Điều 6. Tiêu chí Văn phòng - Tủ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp (mẫu)

1. Diện tích đất quy hoạch: 300m² trở lên.

2. Quy mô xây dựng:

- Các phòng chức năng 50m²;

- Phòng đọc sách 20m²;

- Sân nền mái che 100m² để phục vụ tổ chức họp dân, hội nghị, sinh hoạt văn hóa;

- Các công trình thể thao, nơi sinh hoạt Câu lạc bộ, đội nhóm có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn ấp;

Ngoài quy mô xây dựng Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, các địa phương có nhu cầu mở rộng thêm quy mô xây dựng cần thực hiện vận động xã hội hóa.

3. Trang thiết bị:

- Bộ tăng âm (tivi, ampli, micro, loa);
- Bộ trang trí, khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, ảnh hoặc tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu nhỏ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí...
- Bàn ghế phục vụ hội họp sinh hoạt;
- Tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi;
- Bảng tin, nội quy hoạt động;
- Dụng cụ văn hóa: Các loại nhạc cụ: đàn guitar tân - cổ, đàn organ, đàn bầu, đàn nguyệt, đàn nhị, sáo trúc, trống,... (phù hợp với tình hình địa phương);
- Dụng cụ thể dục thể thao: bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, bộ dụng cụ thể dục ngoài trời,... (phù hợp với tình hình địa phương).

4. Cán bộ nghiệp vụ:

- Trình độ chuyên môn: sơ cấp trở lên, được qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, thể thao;
- Chế độ thù lao: hưởng theo công việc.

5. Chỉ tiêu hoạt động:

- 50%/tổng số dân/ấp tham gia hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên;
- 33%/tổng số dân/ấp tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên;
- 30% thời gian hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em.

Điều 7. Nội dung chuyên tiếp

Đối với các Văn phòng Ban nhân dân - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao áp có trước khi ban hành Quy chế thì giữ nguyên quy mô, chỉ thực hiện bổ sung các tiêu chí khi đủ điều kiện về kinh phí, quỹ đất,... nhằm tiết kiệm kinh phí, tận dụng hết công năng các công trình đã đầu tư.

Đối với các Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp xây dựng sau khi ban hành Quy chế thì thực hiện theo Điều 6 của Quy chế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ, Sở Tài chính phối hợp hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác viên, chế độ tài chính, kinh phí hoạt động cho Văn phòng - Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao ấp.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị có ý kiến gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao) để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3935/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 7528/TTr-SKHĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 35 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh và bãi bỏ

01 thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hợp tác xã, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh được ban hành kèm Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ, THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3935/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã					
01	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
02	Đăng ký thành lập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm

chi nhánh,
văn phòng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	hợp lệ	Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố	2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
03	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố	- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
04	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
05	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố 	<p>năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p>
06	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố 	<p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p>
07	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố 	<p>- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bãi bỏ các</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
08	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố 	<p>phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố;</p>
09	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	Phí, lệ phí: Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ: số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1)	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	

A2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã					
01	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
02	Đăng ký thành lập chi	03 ngày làm việc, kể từ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo,	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	ngày nhận hồ sơ hợp lệ		người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
03	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã
04	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
05	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<p>ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực thuộc Trung ương;</p>
06	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<p>- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p>
07	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<p>- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
08	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
09	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giảm lệ phí thực hiện các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành
10	Giải thể tự	03 ngày làm	UBND	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nguyên hợp tác xã	việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	cấp huyện	- Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	phố; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: Không có	
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	sơ hợp lệ		cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	- Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	
II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh					
01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
02	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần - Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.	20/2015/TT-BKHĐT
03	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	Không	ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
04	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần Các đối tượng được miễn phí, lệ phí: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng Giảm 50% lệ phí đối với các đối tượng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>ương trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

B.DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã			
01		Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> -Luật Hợp tác xã năm 2012; -Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác; -Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; -Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã -Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3941/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất
và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp tại Tờ trình số 2500/TTr-BQL ngày 06 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 26 thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế

xuất và công nghiệp.

Danh mục thủ tục hành chính đăng trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN
CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3941/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo 	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.			dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
2.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ</p>			<p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quyết định chủ trương đầu tư.				
3.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
4.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; + Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi 	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>quản lý của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư và gửi cho Ban Quản lý.</p> <p>- Đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ</p>			<p>khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình;</p> <p>+ Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh;</p> <p>+ Trong thời hạn 15</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điểm d Khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban Quản lý.</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch 	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày (Khoản 3, Điều 29 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					và Đầu tư.	
6.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	<p>1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ban Quản lý.</p> <p>- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định</p>			hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Ban Quản lý và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận 				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>được hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư. 3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội: Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội				
7.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
8.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p>	Cắt giảm 30% thời gian so quy định 10 ngày làm việc (Khoản 3, Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
9.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp	Trong thời hạn 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tinh				<p>đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
10.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	của Thủ tướng Chính phủ	<p>ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các 			<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11.	Chuyển nhượng dự án đầu tư	<p>* Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyên nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyên nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân 			<p>năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyên nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận 				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được gửi hồ sơ 				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư. 				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		+ Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.				
12.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. 	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày (Khoản 4, Điều 38 Nghị định 118/2015/NĐ-CP).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
13.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục</p>	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày (Khoản 3, Điều 39 Nghị định 118/2015/NĐ-CP).

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
14.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
15.	Hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà đầu tư.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
16.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức 	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày tại Khoản 5, Điều 49 Luật Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
17.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
18.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ- 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
19.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Ban Quản lý. - Trong thời hạn 25 ngày đối với dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật đầu tư và trong thời hạn 05 ngày 	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan đối với dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư, Ban Quản lý xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.			Thành phố Hồ Chí Minh. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
20.	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, các cơ quan được xin ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của 	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>minh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, Ban Quản lý xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p>			<p>Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
21.	Giãn tiến độ đầu tư	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của nhà đầu tư.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và biểu mẫu báo cáo đầu tư định kỳ áp dụng đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.</p>	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày tại Khoản 4, Điều 46 Luật Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
22.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	- Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và biểu mẫu báo cáo đầu tư định kỳ áp dụng đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
23.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp hồ sơ chấm dứt dự án.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	
24.	Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Thành phố		<p>phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	
25.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Không	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.</p> <p>- Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 15 ngày tại Khoản 3, Điều 50 Luật Đầu tư 2014
26.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không	- Trường hợp thẩm quyền của Ban Quản lý: Trong thời hạn 20	Ban Quản lý các Khu chế xuất và	Không	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.	Trường hợp thẩm quyền của Ban

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết, Ban Quản lý trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Công nghiệp Thành phố		- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Quyết định 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Quản lý: Cắt giảm 30% thời gian so với thời gian quy định 30 ngày theo khoản 4 Điều 3 Nghị định 118/2015/NĐ-CP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3985/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị
về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 02 quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

1. Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

2. Quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://pakn.dichvucong.gov.vn>.

Nội dung chi tiết của 02 quy trình được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

QUY TRÌNH

**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

qua hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc

(kèm theo Quyết định số 3985/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	- Đơn, thư phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Hoặc - Văn bản của Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển kèm nội dung phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Hoặc - Phiếu tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (<i>trường hợp phản ánh qua điện thoại</i>).	01	Bản chính hoặc Tập tin điện tử
02	Tài liệu có liên quan đến phản ánh, kiến nghị (nếu có)	01	Bản sao

II. ĐẦU MỐI TIẾP NHẬN, CÔNG KHAI KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đầu mối tiếp nhận và công khai kết quả xử lý	Thời gian tiếp nhận, xử lý, công khai
Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính – Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	20 ngày (<i>trương đương 15 ngày làm việc</i>) kể từ ngày tiếp nhận phản ánh, kiến nghị ¹ , bao gồm:
- Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị thông qua:	- Giai đoạn 1 – tiếp nhận, chuyển xử lý (<i>Văn phòng UBND</i>

+ Điện thoại: (028) 38 230 436

¹ Thời gian xử lý đối với các PAKN đáp ứng nội dung, yêu cầu và thuộc thẩm quyền xử lý của Thành phố.

<p>+ Hộp thư điện tử: thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>+ Văn bản (đơn, thư của người dân, doanh nghiệp gửi hoặc văn bản của Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển).</p>	<p>Thành phố): 05 ngày làm việc.</p> <p>- Giai đoạn 2 – xử lý (sở ban, ngành, UBND quận, huyện, phường, xã, thị trấn, cơ quan đăng ký đất đai): 08 ngày làm việc.</p> <p>- Giai đoạn 3 – công khai (Văn phòng UBND Thành phố): 02 ngày làm việc.</p>
<p>- Công khai kết quả xử lý qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Cổng DVCQG) hoặc các hình thức khác.</p>	

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Giai đoạn 1. Tiếp nhận, chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) (Văn phòng UBND Thành phố - 05 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận PAKN	Chuyên viên Phòng KSTTHC	Giờ hành chính	Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức tiếp nhận: + Hộp thư điện tử; + Điện thoại; + Cổng DVCQG. - Chuyển văn thư cho số đến.
		Nhân viên văn thư - Phòng HC-TC	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật vào VPĐT, cho số văn thư đến (đối với PAKN do phòng KSTTHC chuyển lấy số đến và PAKN đến bằng văn bản). - Ghi sổ chuyển giao và chuyển hồ sơ cho Phòng KSTTHC.
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KSTTHC	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ PAKN. - Phân công chuyên viên thụ lý giải quyết. - Cập nhật vào VPĐT.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Xử lý hồ sơ PAKN	Chuyên viên phòng KSTTHC	1,5 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình Dự thảo văn bản/nội dung	- Vào sổ thống kê, theo dõi PAKN. - Dự thảo tờ trình, văn bản chuyển cơ quan/đơn vị có thẩm quyền để xử lý. - Trình Lãnh đạo phòng. - Cập nhật vào VPĐT.
B4	Xem xét, duyệt trình	Lãnh đạo Phòng KSTTHC	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	- Xem xét, ký tờ trình, trình Lãnh đạo Văn phòng. - Cập nhật vào VPĐT.
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình của Phòng KSTTHC	- Xem xét hồ sơ và ký duyệt văn bản chuyển PAKN. - Cập nhật vào VPĐT.
B6	Ban hành văn bản	Nhân viên văn thư - Phòng HC-TC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số văn bản đi, photocopy, đóng dấu, phát hành; - Cập nhật vào VPĐT; chuyển sang giai đoạn 2.

Giai đoạn 2. Tiếp nhận, xử lý PAKN tại sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, UBND phường, xã, thị trấn và cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố (08 ngày làm việc)

** PAKN thuộc thẩm quyền xử lý của sở, ban, ngành, UBND quận, huyện*

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận văn bản chuyển PAKN	Văn thư	0,5 ngày làm việc	Văn bản chuyển của Văn phòng UBND TP	- Tiếp nhận văn bản, cho số văn bản đến. - Chuyển Lãnh đạo cơ quan/đơn vị.

B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo cơ quan/đơn vị	0,5 ngày làm việc	Văn bản chuyển của Văn phòng UBND TP	Xem xét nội dung PAKN, bút phê và chuyển Lãnh đạo phòng chuyên môn
B3		Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc	Văn bản chuyển của Văn phòng UBND TP	Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ
B4	Xử lý PAKN	Chuyên viên phòng chuyên môn	04 ngày làm việc	Hồ sơ PAKN Tờ trình kèm hồ sơ liên quan Dự thảo văn bản phản hồi	- Xem xét hồ sơ PAKN của người dân, doanh nghiệp có cơ sở hay không. Trường hợp PAKN có cơ sở: dự thảo văn bản phản hồi phù hợp nội dung PAKN và theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung). - Lập tờ trình và trình Lãnh đạo Phòng chuyên môn.
B5	Xem xét, duyệt trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình lãnh đạo sở, ban, ngành hoặc Lãnh đạo UBND quận, huyện.
B6	Xem xét, duyệt ký	Lãnh đạo sở, ban, ngành; <i>hoặc</i> Lãnh đạo UBND quận, huyện	01 ngày làm việc		Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt tờ trình và văn bản phản hồi.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển sang giai đoạn 3.

** PAKN thuộc thẩm quyền xử lý của UBND phường, xã, thị trấn; cơ quan đăng ký đất đai.*

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận văn bản chuyển PAKN	Văn thư	0,5 ngày làm việc	Văn bản chuyển của Văn phòng UBND TP	- Tiếp nhận văn bản, cho số văn bản đến. - Chuyển Lãnh đạo cơ quan/đơn vị.
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo cơ quan/đơn vị	0,5 ngày làm việc	Văn bản chuyển của Văn phòng UBND TP	Xem xét nội dung PAKN, phân công chuyên viên/nhân viên xử lý
B3	Xử lý PAKN	Chuyên viên/Nhân viên	04 ngày làm việc	Hồ sơ PAKN Tờ trình kèm hồ sơ liên quan Dự thảo văn bản phản hồi	- Xem xét hồ sơ PAKN của người dân, doanh nghiệp có cơ sở hay không. Trường hợp PAKN có cơ sở: dự thảo văn bản phản hồi phù hợp nội dung PAKN và theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung). - Lập tờ trình và trình Lãnh đạo cơ quan/đơn vị.
B4	Xem xét, duyệt ký	Lãnh đạo UBND phường, xã, thị trấn; hoặc Lãnh đạo cơ quan đăng ký đất đai	2,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt tờ trình và văn bản phản hồi.
B5	Ban hành văn bản	Văn thư	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển sang giai đoạn 3.

Giai đoạn 3. Công khai kết quả, tiến độ xử lý PAKN về TTHC (Văn phòng UBND Thành phố - 02 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận văn bản phản hồi	Nhân viên văn thư - Phòng HC-TC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Văn bản phản hồi	- Cho số văn thư đến, cập nhật vào VPĐT. - Ghi sổ chuyển giao và chuyển hồ sơ cho Phòng KSTTHC.
B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng KSTTHC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Văn bản phản hồi	- Phân công chuyên viên thụ lý giải quyết. - Cập nhật vào VPĐT.
B3	Xử lý văn bản phản hồi	Chuyên viên phòng KSTTHC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ phản hồi PAKN	- Trường hợp đảm bảo nội dung PAKN và phù hợp quy định: trình Lãnh đạo phòng duyệt công khai. - Trường hợp chưa đảm bảo nội dung PAKN và chưa phù hợp quy định: trình Lãnh đạo phòng về việc trả lại hoặc đề nghị làm rõ thêm nội dung phản hồi PAKN.
B4	Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng KSTTHC	01 ngày làm việc		Xem xét, duyệt tờ trình
B5	Công khai PAKN	Chuyên viên phòng KSTTHC	0,25 ngày làm việc		Công khai kết quả, tiến độ xử lý PAKN theo quy định.

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính;

- Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;

- Công văn số 3507/VP-KSTT ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trên địa bàn Thành phố./.

QUY TRÌNH

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua Cổng dịch vụ công quốc gia

tại địa chỉ <https://pakn.dichvucong.gov.vn>

(kèm theo Quyết định số 3985/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	- Đơn, thư phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Hoặc - Văn bản của Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển kèm nội dung phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Hoặc - Phiếu tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (<i>trường hợp phản ánh qua điện thoại</i>).	01	Bản chính hoặc Tệp tin điện tử
02	Tài liệu có liên quan đến phản ánh, kiến nghị (nếu có)	01	Bản sao

II. ĐẦU MỐI TIẾP NHẬN, CÔNG KHAI KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đầu mối tiếp nhận và công khai kết quả xử lý	Thời gian tiếp nhận, xử lý, công khai
Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính – Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	20 ngày (<i>trương đương 15 ngày làm việc</i>) kể từ ngày tiếp nhận phản ánh, kiến nghị ² , bao gồm: - Giai đoạn 1 – tiếp nhận,
- Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị thông qua:	

² - Thời gian xử lý đối với các PAKN đáp ứng nội dung, yêu cầu và thuộc thẩm quyền xử lý của Thành phố.

- Trường hợp hết thời hạn này mà chưa xử lý xong, định kỳ cứ sau 07 ngày, cập nhật tình hình xử lý vào Hệ thống đề thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

<p>+ Điện thoại: (028) 38 230 436</p> <p>+ Hộp thư điện tử: thutuchanhchinh.ubnd@tphcm.gov.vn</p> <p>+ Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>+ Văn bản (đơn, thư của người dân, doanh nghiệp gửi hoặc văn bản của Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương khác chuyển).</p>	<p>chuyển xử lý (Văn phòng UBND Thành phố): 05 ngày làm việc.</p> <p>- Giai đoạn 2 – xử lý (sở ban, ngành, UBND quận, huyện, phường, xã, thị trấn, cơ quan đăng ký đất đai): 08 ngày làm việc.</p> <p>- Giai đoạn 3 – công khai (Văn phòng UBND Thành phố): 02 ngày làm việc.</p>
<p>- Công khai kết quả xử lý qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Cổng DVCQG) hoặc các hình thức khác.</p>	

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Giai đoạn 1. Tiếp nhận, chuyển xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) (Văn phòng UBND Thành phố - 05 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận PAKN	Chuyên viên Phòng KSTTHC	Giờ hành chính	Theo mục I	Tiếp nhận PAKN từ Hộp thư điện tử/Điện thoại hoặc Đơn thư/văn bản/Cổng DVCQG.
B2	Xử lý hồ sơ PAKN	Chuyên viên phòng KSTTHC	02 ngày làm việc	Theo mục I Tờ trình	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, phân loại PAKN. - Dự thảo tờ trình và nội dung chuyển cơ quan/đơn vị có thẩm quyền để xử lý. - Trình Lãnh đạo phòng.
B3	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng KSTTHC	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét, duyệt nội dung chuyển và tờ trình.

B4	Chuyển PAKN đến cơ quan có thẩm quyền	Chuyên viên phòng KSTTHC	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật PAKN tiếp nhận qua email/điện thoại/văn bản vào Cổng DVCQG. - Chuyển PAKN đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để xem xét, xử lý qua Cổng DVCQG; chuyển sang giai đoạn 2.
----	--	--------------------------	------------------	---------------------	---

Giai đoạn 2. Tiếp nhận, xử lý PAKN tại sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, UBND phường, xã, thị trấn và cơ quan đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố (08 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Tiếp nhận PAKN (từ Văn phòng UBND Thành phố)	Lãnh đạo Văn phòng sở, ban, ngành; <i>hoặc</i> Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND quận, huyện (đầu mối)	01 ngày làm việc	Hồ sơ PAKN	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ PAKN trên Cổng DVCQG. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn xử lý (<i>PAKN thuộc thẩm quyền sở, ban, ngành hoặc UBND quận, huyện</i>). - Chuyển hồ sơ cho cơ quan đăng ký đất đai hoặc UBND phường, xã, thị trấn xử lý trên Cổng DVCQG (<i>PAKN thuộc thẩm quyền cơ quan đăng ký đất đai hoặc UBND phường, xã, thị trấn</i>).

B2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn của sở, ban, ngành <i>hoặc</i> UBND quận, huyện; <i>hoặc</i> Lãnh đạo UBND phường, xã, thị trấn; <i>hoặc</i> Lãnh đạo cơ quan đăng ký đất đai	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ PAKN	Xem xét nội dung PAKN, phân công chuyên viên/nhân viên xử lý.
B3	Xử lý PAKN	Chuyên viên/Nhân viên	4,5 ngày làm việc	Hồ sơ PAKN Tờ trình kèm hồ sơ liên quan	<p>- Xem xét hồ sơ PAKN của người dân, doanh nghiệp có cơ sở hay không. Trường hợp PAKN có cơ sở: dự thảo nội dung phản hồi phù hợp nội dung PAKN và theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung).</p> <p>- Lập tờ trình và trình Lãnh đạo:</p> <p>+ Phòng chuyên môn (<i>PAKN thuộc thẩm quyền sở, ban, ngành hoặc UBND quận, huyện</i>); thực hiện tiếp B4, B5, B7.</p> <p>+ Lãnh đạo UBND phường, xã, thị trấn hoặc Lãnh đạo cơ quan đăng ký đất đai (<i>PAKN thuộc thẩm</i></p>

					<i>quyền cơ quan đăng ký đất đai hoặc UBND phường, xã, thị trấn);</i> thực hiện tiếp B6, B7.
B4	Xem xét, duyệt trình nội dung phản hồi PAKN	Lãnh đạo phòng chuyên môn của sở, ban, ngành <i>hoặc</i> UBND quận, huyện	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình lãnh đạo sở, ban, ngành hoặc Lãnh đạo UBND quận, huyện.
B5	Xem xét, duyệt ký nội dung phản hồi PAKN	Lãnh đạo sở, ban, ngành; <i>hoặc</i> Lãnh đạo UBND quận, huyện	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt tờ trình và nội dung phản hồi.

B6	Xem xét, duyệt ký nội dung phản hồi PAKN	Lãnh đạo UBND phường, xã, thị trấn; <i>hoặc</i> Lãnh đạo cơ quan đăng ký đất đai	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt tờ trình và nội dung phản hồi.
B7	Cập nhật kết quả, tiến độ xử lý PAKN	Chuyên viên/Nhân viên (đầu mối)	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Tiếp nhận hồ sơ phản hồi về kết quả, tiến độ xử lý PAKN. - Cập nhật nội dung phản hồi và đính kèm tài liệu có liên quan trên Cổng DVCQG (trừ văn bản mật); chuyển sang giai đoạn 3.

Giai đoạn 3. Công khai kết quả, tiến độ xử lý PAKN về TTHC (Văn phòng UBND Thành phố - 02 ngày làm việc)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Xử lý văn bản phản hồi	Chuyên viên phòng KSTTHC	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ phản hồi PAKN	Tiếp nhận phản hồi PAKN trên Cổng DVCQG: - Trường hợp đảm bảo nội dung PAKN và phù hợp quy định: trình Lãnh đạo phòng duyệt công khai. - Trường hợp chưa đảm bảo nội dung PAKN và chưa phù hợp quy định: trình Lãnh đạo phòng về việc trả lại hoặc đề nghị làm rõ thêm nội dung phản hồi PAKN.
B2	Duyệt hồ sơ	Lãnh đạo phòng KSTTHC	01 ngày làm việc		Xem xét, duyệt tờ trình

B3	Công khai PAKN	Chuyên viên phòng KSTTHC	0,5 ngày làm việc		Công khai kết quả, tiến độ xử lý PAKN trên Cổng DVCQG.
----	-----------------------	--------------------------	-------------------	--	--

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính;

- Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 574/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

- Công văn số 3507/VP-KSTT ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trên địa bàn Thành phố./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4077/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực chính sách, bảo hiểm xã hội, dân quân tự vệ, nghĩa vụ quân sự và động viên quân đội thuộc thẩm quyền của Bộ Tư lệnh Thành phố đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã trên địa bàn Thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 9 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Thành phố tại Tờ trình số 2353/TTr-BTL ngày 12 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực gồm: chính sách, bảo hiểm xã hội, nghĩa vụ quân sự và động viên quân đội thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tư lệnh Thành phố đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa) cấp xã trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Bộ Tư lệnh Thành phố**

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan đưa các thủ tục hành chính thuộc thẩm giải quyết của cơ quan ngành dọc ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

c) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc có liên quan bố trí cán bộ đến làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

d) Hướng dẫn về nghiệp vụ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định tại Quyết định này và quy định có liên quan.

đ) Cung cấp đầy đủ, chính xác danh mục và nội dung của từng thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để niêm yết công khai bằng văn bản hoặc bằng điện tử tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

e) Định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đưa ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan ngành được cử ra làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

b) Bố trí quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan ngành dọc tại khu vực của Bộ phận Một cửa cấp xã đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP.

c) Phối hợp với cơ quan ngành dọc trên địa bàn thực hiện niêm yết công khai bằng văn bản hoặc bằng điện tử thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp xã.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố) để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH, BẢO HIỂM XÃ HỘI, DÂN QUÂN TỰ VỆ,
NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ ĐỘNG VIÊN QUÂN ĐỘI THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TƯ LỆNH THÀNH PHỐ
ĐƯA RA TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
I. Lĩnh vực Chính sách (02 TTHC)								
01	2.000034	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ	61 ngày làm việc (cấp xã không quá 07 ngày; cấp huyện không quá 07 ngày; cấp tỉnh không quá 07 ngày; Bộ Tư lệnh Quân khu không	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện; Bộ	Không	- Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
		quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.	quá 10 ngày; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: không quá 30 ngày)			Tư lệnh thành phố; Bộ Tư lệnh Quân khu; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.		20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. - Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT - BQP - BLĐTBXH - BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.
02	2.000029	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày	61 ngày làm việc (cấp xã không quá 07 ngày; cấp huyện không quá 07 ngày; cấp tỉnh không quá 07 ngày; Bộ Tư lệnh Quân	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự	Không	- Nghị định 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
		30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	khu không quá 10 ngày; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: không quá 30 ngày)			cấp huyện; Bộ Tư lệnh thành phố; Bộ Tư lệnh Quân khu; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.		năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. - Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT - BQP - BLĐT BXH - BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
II. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)								
01	2.000464	Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến	55 ngày làm việc (cấp xã không quá 03 ngày; cấp huyện không quá 05 ngày; cấp tỉnh: không quá 07	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban	Không	- Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
		chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.	ngày; Bộ Tư lệnh Quân khu: không quá 10 ngày; Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng: không quá 30 ngày)			nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện; Bộ Tư lệnh thành phố; Bộ Tư lệnh Quân khu; BHXH BQP.		từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; - Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								<p>1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT - BQP - BLĐTBXH - BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								<p>Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT - BQP - BLĐT BXH - BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT - BQP - BLĐT BXH - BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP.
III. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 TTHC)								
01	1.001821	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.	Không	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
02	1.001805	Thủ tục đăng ký trong ngạch dự bị.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
03	1.001771	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ,

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
						nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.		chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
04	1.001763	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.	Không	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
05	1.001748	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một	Không	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
		khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.				cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.		13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
06	1.001733	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	- Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.	Không	- Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								vụ quân sự.
07	1.001720	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	01 ngày làm việc	Mức độ 2	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015; - Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
IV. Lĩnh vực Động viên Quân đội (02 TTHC)								
01	2.000010	Thủ tục đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực	Ngay sau khi kết thúc đăng ký	Mức độ 2	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
		lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).				- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.		<p>đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội;</p> <p>- Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								lượng thường trực của Quân đội.
02	2.000017	Thủ tục xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).	Ngay sau khi kết thúc đăng ký	Mức độ 2	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội; - Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/1999/NĐ-CP

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Mức độ DVC	Thực hiện qua BCCI			
								ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng